

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày 12/9/2019

“*V/v Kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG – TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Hải**

2. Ông: **Lù Văn Hùng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, Tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST- TCDS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “*Kiện đòi tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 07/2019/QĐST- TCDS, ngày 06/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 08/2019/QĐST- TCDS, ngày 22/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Tòng Văn M**, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện M, Điện Biên (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Lò Thị Khánh H** – Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Lường Văn T.**

Nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, Điện Biên.

Người được ông Lường Văn T ủy quyền: Anh **Lường Văn D**; Sinh năm 1995 (vắng mặt không có lý do).

Nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Lường Văn H1 (vắng mặt không có lý do).

Nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3.2 Anh Lù Văn M1; Sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Bản N, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3.3 Anh Lường Văn H2; sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3.4 Anh Lương Văn H3. (Đã chết)

Địa chỉ: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật của anh Lương Văn H3: Chị Tòng Thị X.

Nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không có lý do).

3.5. Anh Lương Văn D; sinh năm 1995 (vắng mặt không có lý do).

Nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

4. Người làm chứng:

4.1 Anh Lương Văn D1; sinh năm: 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

4.2 Ông Tòng Văn S; Sinh năm: 1959 (có mặt).

Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

4.3 Ông Lù Văn T1 (vắng mặt không có lý do).

Nơi cư trú: Bản H, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Tòng Văn M trình bày:

Năm 2016 tôi và ông Lương Văn T có thỏa thuận mua bán gạch, tôi và ông T không làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng là giao gạch rồi trả tiền. Năm 2016 tôi đã bán cho ông T hơn hai vạn gạch đã thanh toán đầy đủ. Đến tháng 10/2016 theo yêu cầu của ông Lương Văn T tôi đã chở số lượng là 10.000 (mười nghìn) viên với giá 1.700đ (một nghìn bảy trăm đồng)/ viên đến giao cho từng hộ gia đình do ông T chỉ dẫn, sau khi tôi đã giao đủ số lượng gạch như đã được yêu cầu, ông T không thanh toán luôn mà xin nợ lại tiền tôi. Từ đó đến nay, tôi đã nhiều lần đến nhà để yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số tiền là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) cho tôi nhưng ông T vẫn không trả. Đến ngày 14/02/2018 tại nhà ông T chúng tôi đã làm biên bản khất nợ hẹn đến tháng 04/2018 thì ông T sẽ trả tôi. Nhưng đến nay ông T vẫn chưa thanh toán, mặc dù tôi đã đến nhà đòi nhiều lần, tôi gọi điện cho ông T thì không liên lạc được. Vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi các yêu cầu sau:

Buộc ông Lương Văn T thanh toán cho tôi số tiền gốc là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng chẵn);

Yêu cầu ông T phải thanh toán lãi suất cho tôi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 25/03/2019 là 28 tháng với lãi suất là: 17.000.000 đồng x 1%/tháng x 28 tháng = 4.760.000đ (bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn) và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử.

Tổng số tiền ông T phải trả cho tôi cả gốc lẫn lãi tạm tính đến ngày hôm nay ngày 12/9/2019 là 22.780.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lò Thị Khánh H trình bày: Tôi hoàn toàn nhất trí với trình bày của anh Tòng Văn M không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị và quá trình giải quyết vụ án ông Lường Văn T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lường Văn D trình bày:

Ông và anh Tòng Văn M có quan hệ họ hàng, ngày 26/9/2016 ông T có đến nhà ông Tòng Văn S trú tại bản Búng 1, xã Búng Lao là bố đẻ của anh Tòng Văn M để mua gạch làm nhà cho con trai ông là Lường Văn H3. Việc mua bán gạch đã nhiều lần từ năm 2016, nhưng lần cuối ông T có lấy gạch của anh M là 10.000 viên với giá 1.700đ (một nghìn bảy trăm đồng)/1viên tổng số tiền là 17.000.000^d (Mười bảy triệu đồng). Do gia đình khó khăn không trả được, đến ngày 14/02/2018 chúng tôi đã làm biên bản khất nợ hẹn đến tháng 04/2018 thì trả hết nợ. Ông T nhớ là tháng 11/2018 thì ông đã trả 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng), khi trả tiền thì anh D là con trai ông đưa cho ông S, ông S ghi vào sổ hai bên không làm không lập văn bản, giấy tờ gì. Vì vậy hiện nay ông T còn nợ anh M số tiền là: 15.500.000^d (Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng) ông T sẽ có trách nhiệm trả số tiền 5.300.000^d (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) là số gạch mà ông T và anh H3 đã lấy, hẹn khi nào có tiền thì ông T sẽ trả cho anh M. Còn số tiền 10.200.000^d (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) thì khi nào ông T đòi được tiền của anh M1, anh H2 và anh H1 thì sẽ trả cho anh M. Số tiền lãi 4.760.000đ (bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) ông T không chấp nhận trả vì khi chốt nợ hai bên không thỏa thuận về việc tính lãi xuất và ông lấy hộ gạch cho các hộ khác.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lù Văn M1; Lường Văn H2 trình bày: Năm 2016 ông Lù Văn T1 nhận xây nhà cho ông Lường Văn T (ông T nói là xây nhà cho con trai Lường Văn H3), chúng tôi chỉ biết làm công cho ông T1, sau đó ông T có gọi gạch chỗ anh M chở cho chúng tôi M1, H2 và anh H1 mỗi người 01 xe gạch với số lượng là 2.000 viên với số tiền là 3.400.000đ. Đến lúc xong nhà thì chúng tôi với ông T1 thanh toán với nhau (thanh toán có 3 bên ông T1, chúng tôi và ông T) ông T1 đã trừ tiền công của chúng tôi hết số tiền gạch của ông T chở cho chúng tôi, chúng tôi cũng đồng ý trả cho ông T rồi, ông T đã trừ vào tiền công của chúng tôi làm nhà cho ông T vì vậy chúng tôi không liên quan đến vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2019 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lường Văn H1 trình bày: Năm 2016 ông Lù Văn T1 nhận xây nhà cho con trai của ông Lường Văn T, chúng tôi chỉ biết làm công cho ông T1, sau đó ông T có chở cho tôi (H1) 01 xe gạch với số lượng là 2.000 viên với số tiền là 3.400.000đ. Đến lúc xong nhà thì tôi với ông T1 thanh toán với nhau khi đó có mặt ông T1, ông T tôi và anh M1, anh H2, ông T1 đã trừ tiền công của tôi hết số tiền gạch của ông T chở cho chúng tôi, tôi cũng đồng ý trả cho ông T rồi, ông T đã trừ vào tiền công của tôi làm nhà cho ông T vì vậy tôi không liên quan đến vụ án này.

Người đại diện theo pháp luật của anh Lương Văn H3: Chị Tòng Thị X được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Lương Văn D, sinh năm 1995 trình bày: Vào năm 2016 anh đi làm ở dưới Thái Nguyên sau khi về nhà thì được biết bố đẻ của anh là ông Lương Văn T có mua gạch của anh M vẫn còn nợ tiền. Ngày, tháng anh không nhớ nhưng khoảng cuối năm 2018 anh có ra nhà ông Tòng Văn S là bố đẻ của anh M trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) hai bên không viết giấy tờ, anh chỉ nói là ông S có ghi vào sổ, còn ghi như thế nào anh không biết.

Người làm chứng ông Lù Văn T1 trình bày: Tháng 9 năm 2016 tôi và ông Lương Văn T có làm hợp đồng xây nhà cấp 4 cho ông T. Trong hợp đồng có thỏa thuận là khi hoàn thành ngôi nhà thì ông T sẽ thanh toán tiền công theo khối lượng công việc tôi đã làm được. Khi xong ngôi nhà thanh toán tiền thì ông T không chịu trả cho tôi số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Trong thời gian đó tôi được biết những người thợ làm thuê cho tôi là: anh M1, anh H2, anh H1 có nhờ ông T mua gạch cho nên 3 người thợ trên có nhờ tôi trừ tiền công của họ vào số tiền gạch đang thiếu ông T (Khi đó tôi và ông T, anh M1, anh H1, anh H2 chốt với nhau là anh M1 còn nợ ông T 3.400.000đ; anh H1 còn nợ 3.000.000đ; anh H2 còn nợ 1.400.000đ). Hiện nay ông T còn chưa thanh toán cho tôi là 2.200.000đ đây là nợ riêng của tôi và ông T nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết tôi và ông T sẽ tự thanh toán với nhau.

Người làm chứng ông Lương Văn D1 trình bày: Vào ngày 14/2/2018 tôi và anh Tòng Văn M có lên nhà ông Lương Văn T để đòi số tiền ông T lấy gạch nợ của anh Tòng Văn M nhưng ông T không trả được nên ông T và anh M đã làm biên bản khất nợ với nội dung là ông T nợ anh M 10.000 viên gạch với số tiền là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Ông Tòng Văn S trình bày: Vào tháng 5 năm 2016 ông T đến mua gạch của anh M, nhưng anh M không có nhà ông là bố đẻ của anh M nên đã bán hộ cho anh M khoảng 2 vạn gạch với giá 1.700.000đ/1 viên cho ông T, anh M tự chở đến nhà ông T. Ông chỉ biết bán gạch hộ cho anh M còn việc thanh toán như thế nào giữa con trai ông là anh M và ông T ông không được biết. Cháu D con trai ông T bảo đưa cho ông 1.500.000đ để trả tiền gạch ông khẳng định mình không được nhận, nên ông không liên quan đến vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn: Nợ gốc: 17.000.000 đồng và thời điểm tính lãi từ ngày 01/11/2016 đến ngày 25/3/2019 là 28 tháng với lãi suất 1%/tháng là 4.760.000đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết bị đơn nhất trí trả số tiền gốc là 17.000.000đ – 1.500.000đ, còn số tiền 15.500.000^d (Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông xin khất khi nào có thì trả dần cho anh M.

Nội dung bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn là ông Lương Văn T phải trả cho anh M số tiền cả gốc và lãi suất tạm tính đến ngày ngày 12/9/2019 là 22.780.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), ngoài ra không có đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 186 Bộ luật TTDS và Điều 305 BLDS năm 2005; các Điều 430, 440, 357, 468 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tòng Văn M, buộc ông Lương Văn T phải trả cho anh Tòng Văn M số tiền 17.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất như sau:

Thời gian từ ngày 01/11/2016 đến ngày 30/12/2016 là 2 tháng áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm. Như vậy:

Số tiền: 17.000.000 đồng x 9%/năm (0,75%/ tháng) x 2 tháng = 255.000đ .

Thời gian từ ngày 01/01/2017 tạm tính đến ngày 12/9/2019 là 32 tháng 12 ngày tính lãi theo mức lãi suất là 10%/ năm là phù hợp theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 ông T phải thanh toán cho anh M số tiền cụ thể như sau:

Số tiền: 17.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 32 tháng 12 ngày = 4.571.600 đồng.

Cả gốc và lãi ông T phải thanh toán cho anh M là: 21.826.600 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Về án phí: Bị đơn phải nộp là 1.091.000đồng (Một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng) án dân sự thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Lương Văn T hiện đang cư trú tại Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn là ông Lương Văn T, sinh năm 1967, trú tại: Bản C, xã A, huyện M ủy quyền cho Anh Lương Văn D (*Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2019*) tham gia tố tụng. Căn cứ điều 85 BLTTDS năm 2015, điều 138 BLDS năm 2015, chấp nhận việc ủy quyền giữa các đương sự.

Về việc anh Lương Văn D trong quá trình giải quyết Thẩm phán xác định tư cách là người được ông T ủy quyền tham gia tố tụng. Nhưng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh D thì xác định lại anh D tham gia tố tụng với 02 tư cách là người được ông Lương Văn T ủy quyền và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt xét thấy bị đơn là ông Lương Văn T, người được ông Lương Văn T ủy quyền: Anh Lương Văn D; Người có quyền lợi liên quan anh H1, anh D và chị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời không có đơn phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Biên bản khất nợ được lập ngày 14/02/2018 (thời gian khất nợ là tháng 11/2016) vì vậy, cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và năm 2015 để giải quyết.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lương Văn T viết biên bản khất nợ ngày 14/02/2018 hẹn đến tháng 04/2018 sẽ có trách nhiệm trả hết số nợ. Nhưng anh M đã đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả nợ được. Đến ngày 26/3/2019 anh M mới làm đơn khởi kiện. Như vậy việc khởi kiện của anh M là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lương Văn T và anh Tông Văn M có quan hệ họ hàng. Năm 2016 ông T đã nhiều lần mua gạch của anh M để làm nhà cho con trai là anh Lương Văn H3, những lần mua trước ông T đều thanh toán đầy đủ. Lần mua cuối là tháng 10/2016 ông T có gọi điện bảo anh M là chở cho 10.000.000 viên gạch với giá 1.700đ/viên tổng là 17.000.000đồng (Mười bảy triệu đồng) cho các anh Lương Văn H1, Lù Văn M1, Lương Văn H2, anh Lương Văn H3 còn lại là của ông T. Sau khi chở đủ gạch, ông T đã không trả tiền cho anh M như đã cam kết mặc dù anh M đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả. Đến ngày 14/02/2018 thì ông T viết biên bản khất nợ nội dung đến tháng 04/2018 sẽ có trách nhiệm trả cho anh M toàn bộ số tiền trên.

Ông T xác nhận có nợ anh M số tiền nợ gạch là 17.000.000 đồng. Ông T cho rằng đã trả cho ông S (bố của anh M) số tiền 1.500.000 đồng nhưng không lập văn bản và không cung cấp được chứng cứ chứng M1 (do con trai là anh Lương Văn D xuống nhà trả). Tại bản tự khai của người làm chứng ngày 8/5/2019 và tại phiên tòa, ông Tông Văn S đều khẳng định là chỉ bán hộ gạch cho con trai ông là Tông Văn M, còn việc thanh toán tiền như thế nào ông không được biết, ông cũng không được nhận số tiền 1.500.000đ từ anh D con trai của ông T. Do đó, không có cơ sở để xem

xét ông T đã thanh toán cho anh M số tiền 1.500.000 đồng.

Xét thấy việc anh M, ông T thỏa thuận và thực hiện hợp đồng mua bán gạch (Hợp đồng miệng) hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Hai bên đương sự đều xác định hợp đồng mua bán nhưng sau đó hai bên thống nhất ký nhận biên bản khất nợ cho nên chủ thể thay đổi thành đòi nợ giữa hai bên đương sự.

Về nghĩa vụ báo trước: Tại phiên tòa anh M cho biết, anh đã đến nhà ông T đòi nợ rất nhiều lần nhưng ông T không trả. Ông T xin anh M là khi nào có tiền sẽ trả cho anh M dần nhưng anh M không đồng ý. Anh M yêu cầu ông T phải thanh toán hết số nợ trong vài tháng, chậm nhất đến hết năm 2018 phải thanh toán. Nếu ông T không thanh toán thì anh M sẽ tính lãi xuất theo lãi xuất ngân hàng tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 25/03/2019 là 28 tháng với lãi suất là: $17.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 4.760.000\text{đ}$ và yêu cầu tính lãi cho đến ngày xét xử.

Như vậy, việc ông T chưa thanh toán cho anh M số tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, anh M yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về tiền lãi:

Khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: *Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*; Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: *Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*.

Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm quy định:

a) *Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ.*

..

b) *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.*

Khoản 2 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật*

này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

.....

b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc);

.....

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T xin không trả lãi nhưng anh M không đồng ý và anh M tính lãi theo mức lãi suất là 1% tháng đối với số tiền 17.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/11/2016 là chưa phù hợp cần phân giai đoạn để tính lãi suất đúng theo Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019.

Thời gian từ ngày 01/11/2016 đến ngày 30/12/2016 là 2 tháng áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm. Như vậy:

Số tiền: 17.000.000 đồng x 9%/năm (0,75%/ tháng) x 2 tháng = 255.000đ .

Thời gian từ ngày 01/01/2017 tạm tính đến ngày 12/9/2019 là 32 tháng 12 ngày tính lãi theo mức lãi suất là 10%/ năm là phù hợp theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 ông T phải thanh toán cho anh M số tiền cụ thể như sau:

Số tiền: 17.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 32 tháng 12 ngày = 4.571.600 đồng.

Cả gốc và lãi ông T phải thanh toán cho anh M là: 21.826.600 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh M đối với ông T.

Đối với yêu cầu của ông Lương Văn T là yêu cầu những người có quyền lợi liên quan anh H1, anh M1, anh H2 phải trả khoản tiền mà ông đã mua gạch hộ, những người này khai đã trả đủ cho ông là phù hợp với lời khai của người làm chứng Lù Văn T1. Tòa án đã ra thông báo cho các đương sự làm đơn phản tố, nhưng hết thời hạn các đương sự không yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc này không liên quan trong vụ án này, khi có đủ chứng cứ, tài liệu ông T có thể khởi kiện yêu cầu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả nợ số tiền trên bằng một vụ án khác.

Anh Lương Văn D con trai ông T khai đã trả hộ cho ông T 1.500.000đ khi có đủ chứng cứ, tài liệu anh có thể khởi kiện yêu cầu ông T trả lại số tiền trên bằng một vụ án khác.

Đối với bà Quảng Thị X1 là vợ ông T không biết việc ông T nợ tiền anh M nên không buộc bà X1 liên đới trả nợ cùng với ông T.

Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2019) là 21.8126.600 đồng, do đó số tiền án phí bị đơn phải nộp là 1.091.000đồng (*Một triệu không trăm chín một nghìn đồng*) ông T là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định được miễn toàn bộ tiền án phí. Nhưng ông không có đơn xin miễn án phí, nên ông phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên không phải trả lại.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 357, Khoản 4 Điều 466 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 4, Điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tòng Văn M đối với ông Lương Văn T. Buộc ông Lương Văn T phải thanh toán cho ông Tòng Văn M số tiền tính đến ngày 12/9/2019: Gốc là 17.000.000đ và lãi là :4.826.600đ, tổng số tiền là: 21.826.600 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Lường Văn T phải nộp là 1.091.000đồng (Một triệu không trăm chín một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo:

Phiên tòa kết thúc cùng ngày; Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H1, chị X và anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân